

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bản án số: 39/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 12/6/2024

V/v: tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN - TP.CẦN THƠ

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Nguyễn Khánh Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Ngô Thị Út Hậu
- Bà Bùi Thị Thanh Thảo

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Thị Như Ngọc, thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 12 tháng 6 năm 2024 tại Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 351/2023/TLST – HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2023 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Đinh Thị Thu T**, sinh năm 1987

Nơi cư trú: Hậu G, phường 12, quận 6, thành phố H.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Ngọc Đ**, sinh năm 1982

Nơi cư trú: khu vực L, phường Long H, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đinh Thị Thu T trình bày:* Bà và ông Nguyễn Ngọc Đ tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thới Long, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ vào năm 2005. Quá trình chung sống ông bà có 05 con chung tên Nguyễn Đinh Thị Kim C (nữ), sinh ngày 20/02/2005; Nguyễn Đinh Thị Ngọc H (nữ) sinh ngày

21/4/2007; Nguyễn Đình Ngọc Đ (nam) sinh ngày 23/6/2009; Nguyễn Đình Thị Ngọc T (nữ) sinh ngày 26/3/2012 và Nguyễn Đình Thị Ngọc T (nữ) sinh ngày 28/6/2014. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, hôn nhân không mang lại hạnh phúc, mặc dù bà và ông Đ đã cố gắng hàn gắn tình cảm gia đình nhưng không có kết quả. Bà T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: cháu Nguyễn Đình Thị Kim C đã trưởng thành nên không yêu cầu tòa án giải quyết; sau khi ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 04 con chung đến khi trưởng thành, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: bà T trình bày là không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn ông Nguyễn Ngọc Đ*: tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông Đ vắng mặt nên không thể ghi nhận ý kiến của ông Đ được.

Tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn bà Đình Thị Thu T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và có bản tự khai thể hiện yêu cầu được ly hôn với ông Đ, được trực tiếp nuôi dưỡng 04 con chung đến khi trưởng thành, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có, nên không yêu cầu tòa án giải quyết. Bị đơn ông Nguyễn Ngọc Đ vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: vụ kiện đã được thụ lý theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, do nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và bị đơn được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

[2] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết*: theo đơn khởi kiện bà Đình Thị Thu T yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc Đ. Hội đồng xét xử thấy rằng tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp về ly hôn, nuôi con giữa công dân với công dân thuộc ngành Luật hôn nhân và gia đình điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ô Môn theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:* bà Đinh Thị Thu T và ông Nguyễn Ngọc Đ tự nguyện tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn nên xem đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Mâu thuẫn phát sinh do có sự bất đồng quan điểm sống dẫn đến việc vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm giữa bà T và ông Đ đã thực sự rạn nứt, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục tình trạng này sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống của cả hai, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Thảo.

[4] *Đối với bị đơn ông Nguyễn Ngọc Đ,* Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần mà ông Đ vẫn không đến tham gia phiên hòa giải cũng như phiên tòa, chứng tỏ ông không còn thiết tha đến việc hàn gắn tình cảm gia đình nên yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[5] *Về con chung:* bà Đinh Thị Thu T và ông Nguyễn Ngọc Đ có 05 con chung, cháu Nguyễn Đình Thị Kim C (nữ), sinh ngày 20/02/2005 đã trưởng thành nên không yêu cầu tòa án giải quyết; đối với các cháu Nguyễn Đình Thị Ngọc H (nữ) sinh ngày 21/4/2007; Nguyễn Đình Ngọc Đ (nam) sinh ngày 23/6/2009; Nguyễn Đình Thị Ngọc T (nữ) sinh ngày 26/3/2012 và Nguyễn Đình Thị Ngọc Th (nữ) sinh ngày 28/6/2014 hiện tại đang sống cùng bà T và các cháu cũng có bản tự khai thể hiện nguyện vọng được sống cùng bà T. Do đó, giao các cháu Ngọc H, Ngọc Đ, Ngọc T và Ngọc Th cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[6] *Về tài sản chung và nợ chung:* bà T trình bày là không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết. Nhưng do xét xử vắng mặt ông Đ nên tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi các đương sự có yêu cầu.

[7] *Về án phí:* nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: bà Đinh Thị Thu T được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc Đ.

Về con chung: cháu Nguyễn Đình Thị Kim C (nữ), sinh ngày 20/02/2005 đã trưởng thành nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Giao các cháu Nguyễn Đình Thị Ngọc H (nữ) sinh ngày 21/4/2007; Nguyễn Đình Ngọc Đ (nam) sinh ngày 23/6/2009; Nguyễn Đình Thị Ngọc T (nữ) sinh ngày 26/3/2012 và Nguyễn Đình Thị Ngọc Th (nữ) sinh ngày 28/6/2014 cho bà Đinh Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng, ông Nguyễn Ngọc Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho ông Nguyễn Ngọc Đ theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: bà Đinh Thị Thu T trình bày không có nhưng do xét xử vắng mặt ông Nguyễn Ngọc Đ nên không xem xét, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

Về án phí: bà Đinh Thị Thu T phải nộp 300.000đồng (*ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chuyển tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004419 ngày 21/12/2023 thành án phí.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

* **Nơi nhân:**

- VKSND Q. Ô Môn;
- Thi hành án Q. Ô Môn;
- Các đương sự;
- TAND TPCT;
- Lưu hồ sơ;

Đặng Nguyễn Khánh Xuân